TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2020.
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Đức.

2. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị N**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn S**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

(*các đương sự đều có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn chị Trương Thị N trình bày:** Giữa chị và anh Trần Văn S quen biết nhau khoảng 07 tháng, sau đó được hai gia đình đồng ý nên hai người tổ chức đám cưới vào tháng 11/2016, tự nguyện đi đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/02/2018. Trong quá trình chung sống giữa hai người có một đứa con chung tên là Trần Thanh N, sinh ngày 06/5/2017, hiện con đang sống chung với

gia đình anh S. Trong quá trình chung sống giữa chị với anh S không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng chị.

Sau khi cưới thì vợ chồng chị đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, được khoảng 02 năm rưỡi thì giữa chị với anh S phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng lẫn nhau. Sau đó đến tháng 4 năm 2019 vợ chồng ly thân, chị thì đi tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm thuê còn anh S thì đi tỉnh Đồng Nai làm cho đến nay. Hiện nay chị làm công nhân may tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Lúc đầu chị làm việc 08 giờ một ngày, một tháng làm 26 ngày. Hiện do không có con nên chị tăng ca mỗi ngày 02 tiếng. Mỗi tháng thu nhập khoảng 6,5 triệu, trừ chi phí chị còn lại 5,5 triệu.

Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh S, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn lại được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn S. Về con chung chị yêu cầu được nuôi dưỡng không yêu cầu anh Sớm cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn không yêu cầu giải quyết.

* **Bị đơn anh Trần Văn S trình bày:** Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trương Thị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong cuộc sống hằng ngày thì vợ chồng anh luôn có những bất đồng về quan điểm sống, thường hay cự cải, không có tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng không còn. Hai vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị N xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung hiện đang sống chung với anh, anh tạo điều kiện cho con đi học gần nhà, nhà cách trường học khoảng 100m, nên đi học thuận tiện. Nay anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn không yêu cầu giải quyết. Hiện anh đang làm nghề sửa xe ở tỉnh Đồng Nai mỗi tháng thu nhập từ 10 triệu đến 12 triệu, trừ tiền trọ mỗi tháng 800.000 đồng. Hiện anh đang dự định về nhà mở tiệm sửa xe gần nhà do mẹ anh lớn tuổi và thuận tiện việc chăm sóc cho con.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa. Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn với anh S; về con chung đề nghị HĐXX giao cháu N cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S thống nhất cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/02/2018, lời trình bày của các đương sự phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn số 09 (BL 12) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị N trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm giữa chị với anh S không còn nên chị xin ly hôn với anh S. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của chị N và anh S thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm với anh S, kiên quyết xin ly hôn và anh S cũng đồng ý ly hôn, căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận chị N được ly hôn với anh S.

[3] Về con chung: Chị N và anh S thống nhất có một đứa con chung tên Trần Thanh N, sinh ngày 06/5/2017, hiện cháu N đang sinh sống chung với gia đình của anh S ở ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Chị N và anh S đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy, từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay thì con chung đều do gia đình anh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện cháu N có cuộc sống ổn định với gia đình anh S, đồng thời hiện nay anh S cũng có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo nhu cầu nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, theo xác minh tại địa phương thì cháu N có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường, hiện đang đi học mẫu giáo ở trường gần nhà. Đối với chị N thì hiện chị đang làm ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, mỗi tháng thu nhập được khoản 6.500.000 đồng. Tuy nhiên, hiện chị đang sống nhà trọ một mình, nên điều kiện nuôi dưỡng cháu không thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như đưa rước cháu đi học. Từ đó, HĐXX thiết nghĩ không cần phải thay đổi cuộc sống hiện tại của cháu N. Bởi việc thay đổi môi trường sống hiện tại của cháu N sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu nên cần thiết giao cháu N cho anh S nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền cho chị N được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn chị Trương Thị N là chưa phù hợp nên HĐXX không chấp nhận.

[4]. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung, về nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn chị Trương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn anh Trần Văn Sớm không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn chị Trương Thị N được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn S.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Trần Thanh N, sinh ngày 06/5/2017 cho anh Trần Văn S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Trương Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị Nhản thực hiện quyền này.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. *Về tài sản chung, về nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Trương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003488 ngày 05/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Chị N đã thực hiện xong án phí. Bị đơn anh Trần Văn S không phải chịu tiền án phí.

6. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Toàn